Macalaoshi

Practice sheet
HSK 1 · Days and time

Trace over the gray, then write it on your own.

jīn tiān

今 天

今天 jīn tiān · today

今 4 strokes 

天 4 strokes 

míng tiān

明 天

明天 míng tiān · tomorrow

明 8 strokes 

天 4 strokes 

zuó tiān

昨 天

昨天 zuó tiān · yesterday

昨 9 strokes 

天 4 strokes 

xīng qī

星 期

星期 xīng qī · week

星 9 strokes 

期 12 strokes 

xiǎo shí

小时

小时 xiǎo shí · hour

小 3 strokes



时 7 strokes



fēn zhōng

分钟

分钟 fēn zhōng · minute (duration)

分 4 strokes



钟 9 strokes



xiàn zài

现在

现在 xiàn zài · now

现 8 strokes



在 6 strokes



qù nián

去年

去年 qù nián · last year

去 5 strokes



年 6 strokes

